TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2017.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:Ông Trần Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 843/2015/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2015, về việc **"**Ly hôn**",** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số:03 /2017/QĐST- HNGĐ ngày 18/01/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hứa Thị H, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1262/18 Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 347 Tùng Thiện Vương, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2015 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/12/2016, nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông M sống chung từ năm 1996, có giấy chứng nhận kết hôn số 77/1996, quyển số: 01 ngày 20/9/1996 của Uỷ ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông M.

Vợ chồng có hai con chung tên Phan Thị Hoàng Y, sinh ngày 19/8/1997 (đã thành niên) và Phan Minh T, sinh ngày 05/11/2003. Bà H yêu cầu nuôi dưỡng con chung Phan Minh T, sinh ngày 05/11/2003 và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung:không có.

Nợ chung: không có

Bị đơn ông Phan Văn M vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình,bị đơn cư trú tại Quận 8.Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về thủ tục tố tụng: Bà Hứa Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/12/2016, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Phan Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị H và ông Phan Văn M sống chung từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Bà H yêu cầu ly hôn với ông M vì bà không còn tình cảm dành cho chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đối với ông M, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa để lấy lời khai, tham dự phiên hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà H, điều đó chứng tỏ ông M không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không còn tình cảm dành cho vợ. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà H và ông M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Con chung: Xét thấy yêu cầu của bà H là được nuôi dưỡng con chung Phan Minh T, sinh ngày 05/11/2003 và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tài sản chung: Đương sự xác định không có.

- Nợ chung: Đương sự xác định không có.

4/ Án phí: Bà Linh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Hứa Thị H và ông Phan Văn M.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hứa Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị H được ly hôn với ông Phan Văn M.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị Hoàng Y, sinh ngày 19/8/1997 (đã thành niên) và Phan Minh T, sinh ngày 05/11/2003. Giao cho bà Hứa Thị H trực tiếp nuôi con tên Phan Minh T, sinh ngày 05/11/2003. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông M cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Đương sự xác định không có.

Nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000332 ngày 02/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà H đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8;
- UBND Uỷ ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự ;
- Lưu :VT, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phúc